

Đơn vị chủ quản
Bệnh viện.....
Khoa:.....
Buồng: . . . Giường: . . .

BỆNH ÁN NỘI TRÚ NHỊ Y HỌC CỔ TRUYỀN

MS: 20/BV-01
Mã người bệnh:.....
Mã YT:.....
Số vào viện:
Số lưu trữ:

PHẦN I: PHẦN CHUNG

I. HÀNH CHÍNH

1. Họ và tên (in hoa): 2. Sinh ngày Tuổi
3. Giới: 1. Nam ☐ 2. Nữ ☐ 4. Nghề nghiệp:
5. Dân tộc: 6. Quốc tịch:
7. Địa chỉ hiện tại: Số nhà Thôn, phố..... Xã, phường:
Huyện (Q, Tx) Tỉnh, thành phố:
8. Nơi học tập:
9. Đối tượng: 1.BHYT ☐ 2.Thu phí ☐ 3.Miễn ☐ 4.Khác ☐
10. Số thẻ BHYT: Có giá trị sử dụng từ ngàytháng năm
11. Số căn cước/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân:
12. Họ tên, địa chỉ thân nhân của người bệnh khi cần báo tin:
.....số điện thoại:

II. QUẢN LÝ NGƯỜI BỆNH

13. Vào viện: giờ.....ph ngày...../...../.....	15.Nơi giới thiệu: 1.Cơ quan y tế <input type="checkbox"/> 2.Tự đến <input type="checkbox"/> 3.Khác <input type="checkbox"/>
14. Trực tiếp vào: 1.Cấp cứu <input type="checkbox"/> 2.KKB <input type="checkbox"/> 3.Khoa điều trị <input type="checkbox"/>	- Vào viện do bệnh này lần thứ <input type="text"/>
Khoa Ngày /tháng /năm Ngày ĐT	18. Chuyển viện: 1. Chuyển đến <input type="checkbox"/> 2. Chuyển đi <input type="checkbox"/> 3.CK <input type="checkbox"/>
16. Vào khoa <input type="text"/>Giờ.....phút...../...../..... <input type="text"/> <input type="text"/>	- Chuyển đến
17. Chuyển <input type="text"/>Giờ.....phút...../...../..... <input type="text"/> <input type="text"/>	19. Ra viện: giờ ngày/...../.....
Khoa <input type="text"/>Giờ.....phút...../...../..... <input type="text"/> <input type="text"/>	1. Ra viện <input type="checkbox"/> 2. Xin ra viện <input type="checkbox"/> 3. Trốn viện <input type="checkbox"/>
	20. Tổng số ngày điều trị.....

III. CHẨN ĐOÁN

CHẨN ĐOÁN THEO YHHĐ	MÃ	CHẨN ĐOÁN THEO YHCT	MÃ
21.1 Nơi chuyển đến:	<input type="text"/>	21.2. Nơi chuyển đến:	<input type="text"/>
22.1.KKB/Cấp cứu.....	<input type="text"/>	22.2.KKB/Cấp cứu	<input type="text"/>
23.1. Khi vào khoa điều trị		23.2 Vào khoa điều trị:	
- Bệnh chính.....	<input type="text"/>	- Bệnh chính.....	<input type="text"/>
- Bệnh kèm theo.....	<input type="text"/>	- Bệnh kèm theo.....	<input type="text"/>
.....		
+ Thủ thuật <input type="checkbox"/> + Phẫu thuật <input type="checkbox"/>		+ Thủ thuật <input type="checkbox"/> + Phẫu thuật <input type="checkbox"/>	
24.1 Ra viện:		24.2 Chẩn đoán ra viện:	
- Bệnh chính.....	<input type="text"/>	- Bệnh chính.....	<input type="text"/>
- Bệnh kèm theo.....	<input type="text"/>	- Bệnh kèm theo.....	<input type="text"/>
.....		
+ Tai biến <input type="checkbox"/> + Biến chứng <input type="checkbox"/>		+ Tai biến <input type="checkbox"/> + Biến chứng <input type="checkbox"/>	

IV. TÌNH TRẠNG RA VIỆN

25. Kết quả điều trị	27. Tình hình tử vong:giờ.....phút ngày tháng năm.....
1. Khỏi <input type="checkbox"/> 4. Nặng hơn <input type="checkbox"/>	1. Do bệnh <input type="checkbox"/> 2. Do tai biến điều trị <input type="checkbox"/> 3. Khác <input type="checkbox"/>
2. Đờ <input type="checkbox"/> 5. Tử vong <input type="checkbox"/>	4. Trong 24 giờ vào viện <input type="checkbox"/> 5. Sau 24 giờ vào viện <input type="checkbox"/>
3. Không thay đổi <input type="checkbox"/>	28. Nguyên nhân chính tử vong: <input type="text"/>
26. Giải phẫu bệnh (khi có sinh thiết)	29. Khám nghiệm tử thi: <input type="checkbox"/> 30. Chẩn đoán giải phẫu tử thi:
1. Lành tính <input type="checkbox"/> 2. Nghi ngờ <input type="checkbox"/> 3. Ác tính <input type="checkbox"/>	

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ngày . . . tháng . . . năm

Trưởng khoa

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHẦN II: BỆNH ÁN

A. Y HỌC HIỆN ĐẠI

I. LÝ DO VÀO VIỆN:

II. BỆNH SỬ:

III. TIỀN SỬ:

1. Tình hình lúc đẻ:

+ Con thứ 1, 2, 3, 4, 5

1. Đẻ đủ, 2. thiếu tháng

1. Đẻ dễ, 2. khó

+ Lúc đẻ ngạt thở

☐☐☐

Có ☐

Không ☐

Cân nặng: 1. $\leq 2,5$ kg, 2. $> 2,5$ kg ☐

+ Thời gian rụng rốn: 1. bình thường (5-7 ngày), 2. bất thường (>7 ngày) ☐

2. Chế độ ăn:

a) < 1 tuổi: bú mẹ, nhân tạo, hỗn hợp

Tháng cai sữa:

b) > 1 tuổi:

3. Phát dục:

+ Tháng biết lẫy: bình thường (3-4 tháng), chậm > 4 tháng

+ Tháng biết bò: bình thường (6-7 tháng), chậm > 7 tháng

+ Tháng biết đi: bình thường (9-12 tháng), chậm > 12 tháng

+ Tháng biết nói:

+ Tháng mọc răng: bình thường (> 6 tháng), chậm > 12 tháng

+ Tuổi bắt đầu có kinh nguyệt:

☐☐☐☐☐

4. Đã tiêm chủng:

Có ☐

Không ☐

5. Bệnh đã mắc:

Có ☐

Không ☐

- Mô tả:

+ Cá nhân:

+ Gia đình:

6. Đặc điểm sinh hoạt (Vật chất, tinh thần, nghề nghiệp):.....

7. Tiền sử đặc biệt khác (nếu có):.....

IV. KHÁM BỆNH:

4.1 Toàn thân: (ý thức, da niêm mạc, hệ thống hạch, tuyến giáp, vị trí, kích thước, số lượng, di động...)

Mạch.....	lần/phút
Nhiệt độ.....	°C
Huyết áp	/..... mmHg
Nhịp thở.....	lần/phút
Cân nặng	kg
Chiều cao.....	cm
BMI.....	

4.2 Khám bộ phận:

Tuần hoàn:

Hô hấp:.....

Tiêu hóa:

Tiết niệu - sinh dục:

Thần kinh:

Cơ xương khớp:

Tai - Mũi - Họng:

Răng - Hàm - Mặt:

Mắt:

Nội tiết, dinh dưỡng và các bệnh lý khác (nếu có):

V. CẬN LÂM SÀNG:

.....

.....

.....

.....

VI. TÓM TẮT BỆNH ÁN:

.....

.....

.....

.....

VII. CHẨN ĐOÁN:

- Bệnh chính:

- Bệnh kèm theo (nếu có):

- Phân biệt:

B. Y HỌC CỔ TRUYỀN

I. VONG CHÂN:

1. **Hình thái:** 1. Gầy 2. Béo 3. Cân đối 4. Nằm co 5. Nằm duỗi 6. Ưa tĩnh 7. Ưa động 8. Khác
2. **Thần:** 1. Còn thần 2. Không còn thần 3. Khác
3. **Sắc:** 1. Bệch (trắng) 2. Đỏ 3. Vàng 4. Xanh 5. Đen 6. Bình thường 7. Khác
4. **Trạch** 1. Tươi nhuận 2. Khô 3. Khác

5. Lưỡi:

- Hình thái: 1. Bình thường 2. Lệch 3. Rụt 4. Khác
- Chất lưỡi, sắc lưỡi: 1. Đậm 2. Bệu 3. Gầy mỏng 4. Nứt 5. Cứng 6. Loét
7. Hồng 8. Nhợt 9. Đỏ 10. Đỏ sẫm 11. Xanh tím 12. Khác
- Rêu lưỡi: 1. Có 2. Không 3. Dầy 4. Mỏng 6. Ướt 7. Khô 8. Nhuận
9. Dính 10. Trắng 11. Vàng 12. Khác

--	--

--	--	--

--	--	--

6. Chỉ tay (trẻ dưới 3 tuổi):

- Đường đi: 1. Phong quan 2. Khí quan 3. Mệnh quan
- Tính chất: 1. Nổi 2. Chìm 3. Hoạt 4. Trệ 5. Khác
- Hình dáng: 1. Thẳng 2. Chia nhánh 3. Liên tục 4. Đứt đoạn 5. Khác
- Màu sắc: 1. Đỏ 2. Đỏ tươi 3. Đỏ nhạt 4. Đỏ bầm (đỏ tím)
4. Xanh 5. Xanh tím 6. Xanh đen 7. Khác

--

7. Mô tả khác (nếu có):

II. VẤN CHẨN:

1. Âm thanh:

- 1.1. Tiếng nói: 1. Bình thường 2. To 3. Nhỏ 4. Đứt quãng 5. Khàn 6. Ngọng 7. Mất 8. Khác
- 1.2. Hơi thở: 1. Bình thường 2. Đứt quãng 3. Ngắn 4. Mạnh 5. Yếu
6. Thô 7. Rít 8. Khò khè 9. Chậm 10. Gấp 11. Khác
- 1.3. Ho: 1. Có 2. Không
1. Ho liên tục 2. Cơn 3. Ít 4. Nhiều 5. Khan 6. Có đờm 7. Khác
- 1.4. Ợ: 1. Có 2. Không
- 1.5. Nấc 1. Có 2. Không

--	--	--	--	--

--	--	--

--

--	--	--

--

--

2. Mùi:

- Mùi cơ thể, mùi hơi thở: 1. Có 2. Không
1. Chua 2. Khắm 3. Tanh 4. Thối 5. Hôi 6. Khác
- Chất thải biểu hiện bệnh lý 1. Có 2. Không
1. Đờm 2. Chất nôn 3. Phân 4. Nước tiểu 5. Khí hư 6. Kinh nguyệt 7. Khác

--

--	--	--

--

--	--	--

3. Mô tả khác (nếu có):

III. VẤN CHẨN:

1. Hàn nhiệt:

- Biểu hiện bệnh lý: 1. Có 2. Không
1. Thích nóng 2. Sợ nóng 3. Thích mát 4. Sợ lạnh 5. Trong người nóng
6. Trong người lạnh 7. Rét run 8. Hàn nhiệt vãng lai 9. Khác

--

--	--	--

2. Mồ hôi:

- Biểu hiện bệnh lý: 1. Có 2. Không
1. Không có mồ hôi 2. Tự hãn 3. Đạo hãn 4. Nhiều 5. Ít 6. Khác

--

--	--	--

3. Đau mặt cổ:

- Biểu hiện bệnh lý: 1. Có 2. Không
- Đau đầu: 1. Một chỗ 2. Nửa đầu 3. Cả đầu 4. Di chuyển 5. Ê ẩm 6. Nhói
7. Căng 8. Nặng đầu 9. Đau thắt 10. Khác

--

--	--	--

- Hoa mắt chóng mặt: 1. Có 2. Không
- Mắt: 1. Nhìn không rõ 2. Đau 3. Khác
- Tai: 1. Ò 2. Điếc 3. Đau 4. Khác
- Mũi: 1. Ngạt 2. Chảy nước 3. Chảy máu cam 4. Đau 5. Khác
- Họng: 1. Đau 2. Khô 3. Khác
- Cổ vai: 1. Mỏi 2. Đau 3. Khó vận động 4. Khác
4. **Lưng:** Biểu hiện bệnh lý: 1. Có 2. Không
1. Đau 2. Khó vận động 3. Co cứng cơ 4. Khác
5. **Ngực:** Biểu hiện bệnh lý: 1. Có 2. Không
1. Tức 2. Đau 3. Ngột ngạt khó thở 4. Đau tức cạnh sườn
5. Đánh trống ngực 6. Khác
6. **Bụng:** Biểu hiện bệnh lý: 1. Có 2. Không
1. Đau 2. Sôi bụng 3. Nóng ruột 4. Đầy trướng 5. Khác
7. **Chân tay:** Biểu hiện bệnh lý 1. Có 2. Không
1. Đau 2. Tê 3. Buồn 4. Mỏi 5. Nhức 6. Nóng 7. Lạnh 8. Khác
8. **Ăn:** Biểu hiện bệnh lý 1. Có 2. Không
1. Thích nóng 2. Thích mát 3. Ăn nhiều 4. Ăn ít 5. Đắng miệng 6. Nhạt miệng
7. Thèm ăn 8. Chán ăn 9. Ăn vào bụng chướng 10. Khác
9. **Uống:** Biểu hiện bệnh lý: 1. Có 2. Không
Thích uống: 1. Mát 2. Ấm nóng 3. Nhiều 4. Ít 5. Khác
10. **Đại, tiểu tiện:** Biểu hiện bệnh lý: 1. Có 2. Không
- Tiểu tiện: 1. Vàng 2. Đỏ 3. Đục 4. Buốt 5. Rắt 6. Không tự chủ 7. Bí 8. Khác
- Đại tiện: 1. Táo 2. Nát 3. Sống 4. Lỏng 5. Nhầy mũi 6. Bí 7. Khác
11. **Ngủ:** Biểu hiện bệnh lý 1. Có 2. Không
1. Khó vào giấc ngủ 2. Hay tỉnh 3. Hay mê 4. Ngủ ít 5. Khác
12. Khả năng sinh dục-sinh sản
- Biểu hiện bệnh lý 1. Có 2. Không

12.1 Nam giới:

1. Mộng tinh 2. Khác

12.2 Nữ giới:

- Kinh nguyệt: biểu hiện bệnh lý 1. Có 2. Không
- + Rối loạn kinh nguyệt: 1. Trước kỳ 2. Sau kỳ 3. Bế kinh 4. Khác
- + Thống kinh: 1. Trước kỳ 2. Trong kỳ 3. Sau kỳ 4. Khác
- Đới hạ: biểu hiện bệnh lý 1. Có 2. Không
1. Vàng 2. Trắng 3. Hồng 4. Hôi 5. Khác

13. Điều kiện xuất hiện bệnh: 1. Có 2. Không

14. Mô tả khác (nếu có):

IV. THIẾT CHẨN:

1. **Xúc chẩn:** Biểu hiện bệnh lý: 1. Có 2. Không
- Da: 1. Khô 2. Nóng 3. Lạnh 4. Ướt 5. Chân tay nóng
6. Chân tay lạnh 7. Ấn lõm 8. Ấn đau 9. U/Cục 10. Khác
- Cơ - xương - khớp: Biểu hiện bệnh lý 1. Có 2. Không
1. Mềm nhẽo 2. Căng cứng 3. Ấn đau 4. Khác
- Bụng: Biểu hiện bệnh lý 1. Có 2. Không
1. Chướng 2. Tích 3. Tụ 4. Thiện án 5. Cự án 6. Khác
- Mồ hôi: Biểu hiện bệnh lý 1. Có 2. Không
1. Toàn thân 2. Trán 3. Tay 4. Chân 5. Khác
- Thóp: 1. Đã liền 2. Chưa liền
3. Phẳng 4. Lõm 5. Phồng 6. Rộng 7. Khác

2. Mạch chẩn (trẻ trên 3 tuổi): 1. Phù 2. Trầm 3. Trì 4. Sác
5. Tế 6. Huyền 7. Hoạt 8. Vô lực 9. Có lực 10. Khác

- Tổng khán: Bên phải (Khí, dương):

Bên trái (Huyết, âm):

- Vi khán: + Mạch tay trái: Thốn

Quan

Xích

+ Mạch tay phải: Thốn

Quan

Xích

3. Mô tả khác (nếu có):

V. TÓM TẮT TỨ CHẨN:

VI. BIỆN CHỨNG LUẬN TRỊ:

VII. CHẨN ĐOÁN:

1. Bệnh danh:

--	--	--	--	--	--

2. Bát cương:

1. Biểu 2. Lý 3. Hư 4. Thực 5. Hàn 6. Nhiệt 7. Âm 8. Dương

3. Nguyên nhân: 1. Nội nhân 2. Ngoại nhân 3. Bất nội ngoại nhân

4. Tạng phủ: 1. Tâm 2. Can 3. Tỳ 4. Phế 5. Thận

6. Tâm bào 7. Tiểu trường 8. Đờm 9. Vị 10. Đại trường 11. Bàng quang

12. Tam tiêu 13. Phủ kỳ hỗng

--	--	--	--	--	--

5. Kinh mạch: 1. Tâm 2. Can 3. Tỳ 4. Phế 5. Thận 6. Tâm bào 7. Tiểu trường 8. Đờm

9. Vị 10. Đại trường 11. Bàng quang 12. Tam tiêu 13. Mạch đốc 14. Mạch nhâm

6. Định vị bệnh theo: 1. Vệ 2. Khí 3. Dinh 4. Huyết

--	--	--	--	--	--

C. ĐIỀU TRỊ

I. Y HỌC CỔ TRUYỀN:

1. Pháp:

2. Phương:

- Phương dược:

- Phương pháp điều trị không dùng thuốc:

- Các phương pháp khác

II. Y HỌC HIỆN ĐẠI: Hướng điều trị:

(Phương pháp điều trị, chế độ dinh dưỡng, chế độ chăm sóc,):

III. DỰ HẬU (TIỀN LƯỢNG):

..... giờ ngày tháng năm

Thầy thuốc khám bệnh, chữa bệnh

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

PHẦN III: TỔNG KẾT BỆNH ÁN RA VIỆN

1. Lý do vào viện:
2. Quá trình bệnh lý và diễn biến lâm sàng:
3. Tóm tắt kết quả cận lâm sàng:.....
4. Chẩn đoán vào viện:
- Y học hiện đại: Bệnh chính:
Bệnh kèm theo:
- Y học cổ truyền: Bệnh chính:
Bệnh kèm theo:
5. Phương pháp điều trị:
- Y học hiện đại:
- Y học cổ truyền:
6. Kết quả điều trị: 1. Khỏi 2. Đỡ 3. Không thay đổi 4. Nặng hơn 5. Tử vong ☐
7. Chẩn đoán ra viện
- Y học hiện đại: Bệnh chính:
Bệnh kèm theo:
- Y học cổ truyền: Bệnh chính:
Bệnh kèm theo:
8. Tình trạng người bệnh khi ra viện:
9. Hướng điều trị và các chế độ tiếp theo:

Hồ sơ, phim, ảnh		Người giao hồ sơ:	Ngày.....tháng.....năm..... Thầy thuốc khám bệnh, chữa bệnh
Loại	Số tờ		
- X – quang		Họ tên.....	Họ tên
- CT Scanner			
- MRI		Người nhận hồ sơ:	
- Khác.....		Họ tên.....	
- Toàn bộ hồ sơ			

BỆNH VIỆN

KHOA.....

PHIẾU ĐIỀU TRỊ

(Dành cho bệnh án YHCT)

Tờ số.....

Số vào viên:.....

Buông:.....

Giường:.....

Họ tên người bệnh Tuổi.....Giới.....

Chẩn đoán.....

.....

[illegible]

Khoa:.....Giường:.....